

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 14/4/2022

V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN- TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*** Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tứ Xuân

*** Các hội thẩm nhân dân:** 1. Ông Phạm Lành
2. Ông Lê Văn Ninh

*** Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Vũ Thùy Dương - Cán bộ
Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên - tỉnh Thái Nguyên.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên:** bà Đinh
Thị Hương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 14/4/2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên
tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 644/
TLST-HNGĐ ngày 15/10/2021 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 15/QĐXX- ST ngày 16/02/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lương Thị H, sinh năm 1995. Có mặt

HKTT: Tổ dân phố L, thị trấn HS, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

*** Bị đơn:** Anh Lưu Xuân L, sinh năm 1993. Có đơn xin xét xử vắng mặt

HKTT: Tổ 4, phường HVT, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Nơi ở hiện nay: Khu phố 1, phường HN, thị xã TU, tỉnh Bình Dương

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, các bản khai tại Tòa án chị Lương Thị H trình bày:
Chị và anh Lưu Xuân L kết hôn năm 2018 có đăng ký kết hôn tại UBND
phường HVT, thành phố TN trên cơ sở tự nguyện có tổ chức cưới hỏi theo nghi
thức truyền thống của dân tộc. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sinh sống tại tổ
dân phố L, thị trấn HS, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên với bố mẹ đẻ của chị. Thời
gian đầu chung sống hai vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2019 thì bắt đầu phát
sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh L nợ nần, vợ chồng không có tiếng
chung, luôn bất đồng đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã.
Anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay. Anh L bỏ nhà đi từ năm 2019, thi
thoảng mới về và vẫn thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ nhưng ít khi gọi điện
cho mẹ con chị. Hai vợ chồng chị đã không còn sự quan tâm, chia sẻ với nhau
trong cuộc sống. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng nên đề
nghị Tòa án cho được ly hôn với anh L.

Về con chung: Chị H khai có một con chung là Lưu Diệp C, sinh ngày 17/8/2018 hiện đang ở với mẹ. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chị không đề nghị giải quyết. Về điều kiện nuôi con, hiện chị đang làm việc tại công ty khai thác khoáng sản Núi Pháo, thu nhập là 5.800.000đ/ tháng, chị và con sống cùng bố mẹ đẻ tại thị trấn Hùng Sơn, huyện Đại Từ có đủ thời gian chăm sóc con.

Tài sản - công nợ chung: Không có. Không đề nghị giải quyết.

Bị đơn anh Lưu Xuân L trong bản tự khai đề ngày 9/12/2021 trình bày: Anh và chị Lương Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn năm 2017 tại UBND phường HVT, thành phố TN và tổ chức kết hôn theo truyền thống dân tộc. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có sinh được một con chung là Lưu Diệp C, sinh ngày 17/8/2018. Đến năm 2019, do làm ăn thua lỗ nên anh đã vào tỉnh Bình Dương để làm việc, hiện nay anh đang ở tại Khu phố 1, phường HN, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. Trước khi anh đi Bình Dương làm ăn, vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì. Bản thân anh vẫn giữ liên lạc với gia đình và chị H, vẫn gửi tiền về cho chị H nuôi con. Anh không đồng ý ly hôn với chị H. Về con chung: Anh L xác định có một con chung là Lưu Diệp C, sinh ngày 17/8/2018. Do anh không đồng ý ly hôn nên đề nghị Tòa không giải quyết con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có. Không đề nghị giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, lấy lời khai của chị H đồng thời ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tổng đạt các văn bản tố tụng và lấy lời khai của anh L. Tuy nhiên, anh L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng với lý do hiện nay đang ở xa, vì điều kiện công việc và tình hình dịch bệnh anh không về tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa được. Vì vậy, vụ án không thể tiến hành hòa giải và phải được đưa ra xét xử ngày hôm nay.

Trong phần tranh tụng, chị H giữ nguyên quan điểm khởi kiện là đề nghị được ly hôn với anh L; Về con chung: chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lưu Diệp C cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con không đề nghị giải quyết. Tài sản chung, công nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền của mình theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; Tuân thủ đúng quy định về trình tự, tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị H, cho chị H được ly hôn với anh L. Về con chung: Giao cháu Lưu Diệp C, sinh ngày 17/8/2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi

con chung không giải quyết do chị H không có yêu cầu. Tài sản chung, công nợ chung không có, không đề nghị giải quyết. Án phí: Buộc chị H chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng*: Bị đơn anh Lưu Xuân L có hộ khẩu thường trú tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28; Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên là đúng quy định. Anh L có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ Khoản 1 Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lương Thị H và anh Lưu Xuân L là hợp pháp. Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị H cho rằng do vợ chồng không có tiếng chung, luôn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh chị đã ly thân từ tháng năm 2019 đến nay. Kể từ khi anh L đi làm ăn tại tỉnh Bình Dương thì anh chị không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau. Anh L xác định do làm ăn thua lỗ nên anh phải vào Bình Dương làm việc, trước đây thì hai vợ chồng không có mâu thuẫn, anh vẫn liên lạc với gia đình và vợ, con, vẫn gửi tiền về nuôi con, anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh L không có mặt tại Tòa án thành phố Thái Nguyên để tham gia hòa giải, đồng thời gửi đơn đề nghị được vắng mặt tại các phiên hòa giải và các phiên tòa với lý do điều kiện đi lại và công việc ở xa, tình hình dịch bệnh phức tạp. Tại phiên tòa, chị H vẫn giữ nguyên quan điểm được ly hôn với anh L. Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh L đã ở mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị H đề nghị ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

3. *Về con chung*: Chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Lưu Diệp C, sinh ngày 17/8/2018 và không đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con. Anh L không đồng ý ly hôn nên không đề nghị giải quyết vấn đề con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện nay anh L đang công tác ở xa, cháu Lưu Diệp C mới hơn 3 tuổi, từ bé đã ở với mẹ, chị H có nơi ở và thu nhập ổn định đủ điều kiện để chăm sóc con. Vì vậy, để đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con trẻ, giao cháu C cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Việc cấp dưỡng nuôi con hội đồng xét xử không giải quyết do chị H không yêu cầu.

4. *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không giải quyết do các đương sự không yêu cầu.

5. *Về án phí*: Chị Lương Thị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm vào ngân sách nhà nước.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28; Điều 35, Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227 BLTTDS năm 2015. Áp dụng Điều 56; Điều 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lương Thị H. Cho chị Lương Thị H được ly hôn với anh Lưu Xuân L.

2. Về con chung: Giao con chung là Lưu Diệp C, sinh ngày 17/8/2018 cho chị Lương Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cháu C đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung không giải quyết do chị H không có yêu cầu. Anh L được quyền đi lại thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án không giải quyết.

4. Án phí: Chị Lương Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số 000556 ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND TP. Thái Nguyên ;
- Chi cục THADS TP. Thái Nguyên;
- UBND nơi NE, BD cư trú;
- Các DS;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tứ Xuân

